

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án: 21/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 24-4-2023.
V/v “*Xin ly hôn* ” giữa anh
Mai Xuân N và chị Phạm Thị
Ngọc C

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Trần Ngọc Biên**.

- Ông **Nguyễn Văn Du**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “*xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Mai Xuân N** ; sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Hòa Bắc, huyện Di Linh, Lâm Đồng.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc C**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 8 A, xã Lộc Thành, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-02-2023 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Phạm Thị Ngọc C chung sống với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không quan tâm chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên anh N xin được ly hôn với chị C.

Về con chung: Quá trình chung sống anh N và chị Phạm Thị Ngọc C có 01 người con chung tên là Mai Xuân T, sinh ngày 13/11/2020 khi ly hôn anh N đồng ý

giao con chung là cháu T cho chị C nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Mai Xuân N chung sống với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị C cũng đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh Mai Xuân N có 01 người con chung tên là Mai Xuân T, sinh ngày 13/11/2020 khi ly hôn chị C yêu cầu được nhận nuôi con chung là cháu T cho đến tuổi trưởng thành, chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngày 28/02/2023 Tòa án nhân dân huyện Bảo L nhận được đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của anh Mai Xuân N và đơn đề nghị vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của anh Mai Xuân N và chị Phạm Thị Ngọc C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Xuân N và chị Phạm Thị Ngọc C chung sống với nhau từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn là hai người bất đồng nhau về quan điểm sống, tình cảm, kinh tế. Tình cảm vợ chồng không còn, do vậy anh N xin được ly hôn với chị C và chị C cũng đồng ý được ly hôn với anh N, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử cho anh Mai Xuân N và chị Phạm Thị Ngọc C được ly hôn với nhau là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống anh N và chị C có 01 người con chung tên là Mai Xuân T, sinh ngày 13/11/2020 khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung là cháu T cho chị C nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, chị C yêu cầu được nhận nuôi con chung là cháu T cho đến tuổi trưởng thành, chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Do vậy cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Mai Xuân T, sinh ngày 13/11/2020 cho chị C nuôi dưỡng đến khi cháu T tròn 18 tuổi anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc anh N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Xuân N về việc “ xin ly hôn ” với chị Phạm Thị Ngọc C. Xử cho anh **Mai Xuân N** và chị **Phạm Thị Ngọc C** được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Giao con chung là Mai Xuân T, sinh ngày 13/11/2020 cho chị Phạm Thị Ngọc C nuôi dưỡng đến khi cháu T tròn 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con,

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng N việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.

3/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Mai Xuân N phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012678 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đình Phong

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Biên Nguyễn Văn Du

Nguyễn Đình Phong

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Phong

